

**CÔNG TY CỔ PHẦN VSE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VSE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: VSE

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502251595

**3. Ngày đăng ký thành lập:** 17/04/2014

**4. Địa chỉ trụ sở chính:** 4/1 Phạm Ngọc Thạch, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5012     |
| 2.  | Tái chế phế liệu<br>(Địa điểm tái chế phải phù hợp với quy hoạch của ngành, địa phương. Chỉ được tái chế khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép và chỉ được hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo Vệ Môi Trường)                                                                    | 3830     |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                                                                                                                    | 5222     |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy thủy | 4659     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ                                                                                                                                                                              | 5221     |
| 6.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                 | 4662     |
| 7.  | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: San lấp mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                              | 4312     |
| 8.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5224     |
| 9.  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại<br>(Địa điểm xử lý phải phù hợp với quy hoạch của ngành, địa phương. Chỉ được xử lý khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép và chỉ được hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo Vệ Môi Trường)                                                      | 3822     |
| 10. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4933     |
| 11. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5022     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Xây dựng công trình công ích<br>Chi tiết: Xây dựng công trình viễn thông; Xây dựng công trình thủy lợi; Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35KV                                                                                                                                                      | 4220        |
| 13. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(trừ động vật hoang dã và động vật quý hiếm)                                                                                                                                                                                            | 4620        |
| 14. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;<br>(Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định theo Luật Bảo vệ môi trường)<br>Bán buôn phân bón; Bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) | 4669        |
| 15. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý ký gửi hàng hóa (không bao gồm đại lý chứng khoán, bảo hiểm)                                                                                                                                                                                                        | 4610        |
| 16. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông                                                                                                                                                                                                                             | 4210        |
| 17. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4330        |
| 18. | Thu gom rác thải độc hại<br>(Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định theo Luật Bảo vệ môi trường)                                                                                                                                                                                     | 3812        |
| 19. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                               | 4651        |
| 20. | Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại<br>(Địa điểm xử lý phải phù hợp với quy hoạch của ngành, địa phương. Chỉ được xử lý khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép và chỉ được hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo Vệ Môi Trường)                                                     | 3821(Chính) |
| 21. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị                                                                                                                                                            | 4290        |
| 22. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan, nhựa đường, nhũ tương nhựa đường; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan; Bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và các sản phẩm liên quan        | 4661        |
| 23. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4100        |
| 24. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4311        |
| 25. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (trừ quầy bar)                                                                                                                                                                                               | 5610        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 26. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng (bao gồm phụ gia xi măng, clinker); Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim, hàng kim khí | 4663                                                                |
| 27. | Thu gom rác thải không độc hại<br>(Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định theo Luật Bảo vệ môi trường)                                                                                                                                                                                                 | 3811                                                                |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuê hải quan; Dịch vụ đóng gói liên quan đến vận tải; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển                                                                                                                 | 5229                                                                |
| 29. |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

Tổng số cổ phần: 0

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Vốn pháp định:** 0 VNĐ

**9. Danh sách cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức   | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (chứng thực cá nhân) đối với cá nhân; MSD N đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ ANH HÒA THUẬN | Số 4/1 Phạm Ngọc Thạch, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 6.000.000  | 60.000.000.000        | 60        | 273557666                                                                                                              |         |
|     |                  |                                                                                        | Tổng số           | 6.000.000  | 60.000.000.000        | 60        |                                                                                                                        |         |
|     |                  |                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                                                        |         |

|   |                      |                                                                                            |                   |           |                |    |           |  |
|---|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------|----------------|----|-----------|--|
| 2 | NGUYỄN MẠNH TUẤN     | Số 294 Trần Nguyên Hãn, Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông | 2.000.000 | 20.000.000.000 | 20 | 030858907 |  |
|   |                      |                                                                                            | Tổng số           | 2.000.000 | 20.000.000.000 | 20 |           |  |
|   |                      |                                                                                            |                   |           |                |    |           |  |
| 3 | LÊ ANH THƯỜNG        | Thôn Thắng Lợi, Xã Hàm Thắng, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 500.000   | 5.000.000.000  | 5  | 260969659 |  |
|   |                      |                                                                                            | Tổng số           | 500.000   | 5.000.000.000  | 5  |           |  |
|   |                      |                                                                                            |                   |           |                |    |           |  |
| 4 | NGUYỄN THỊ HỒNG XINH | Số 3658B đường 27/4, Phường Phước Hưng, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 1.500.000 | 15.000.000.000 | 15 | 270697995 |  |
|   |                      |                                                                                            | Tổng số           | 1.500.000 | 15.000.000.000 | 15 |           |  |
|   |                      |                                                                                            |                   |           |                |    |           |  |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: LÊ ANH THƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 05/01/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 260969659

Ngày cấp: 28/03/2001

Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Thuận

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Thắng Lợi, Xã Hàm Thắng, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Thắng Lợi, Xã Hàm Thắng, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

#### 11. Nơi đăng ký:

Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu